

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: /2025/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí
hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 30

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Đất đai, Luật Nhà, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các
tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ
quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ
trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn
địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra số và ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan Nhà nước; người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Căn cứ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ, nguồn thu từ nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp hàng năm nộp vào ngân sách cấp tỉnh, diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh để bảo vệ đất trồng lúa theo định mức quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ tại điểm a khoản 3 Điều này xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, số liệu được cơ quan có thẩm quyền cung cấp. Riêng năm 2025, diện tích đất chuyên trồng lúa và diện tích đất trồng lúa còn lại căn cứ theo số liệu thống kê đất trồng lúa năm 2023 do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp.

2. Phạm vi hỗ trợ

a) Các địa phương sản xuất lúa đối với đất chuyên trồng lúa; đất trồng lúa còn lại (trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa) và đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

b) Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao, thuê hoặc cấp đất trồng lúa sản xuất ổn định, trực tiếp tham gia sản xuất;

c) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao nhiệm vụ đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ những vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; xây dựng các mô hình điểm trình diễn về ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất lúa (*giống mới, quy trình sản xuất, công nghệ mới*) làm cơ sở chuyển giao cho các địa phương triển khai nhân rộng và hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

3. Định mức hỗ trợ

a) Sử dụng 90% kinh phí trung ương hỗ trợ tại Điều 14 Nghị định 112/2024/NĐ-CP hỗ trợ cho các huyện, thành phố, thị xã để thực hiện bảo vệ đất trồng lúa theo định mức: 1.350.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa; 675.000 đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa còn lại (*trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa*)

và hỗ trợ thêm 1.350.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

b) Sử dụng 10% kinh phí trung ương hỗ trợ tại khoản 1, Điều 14 Nghị định 112/2024/NĐ-CP và nguồn thu từ nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để bố trí cho các cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ.

4. Sử dụng kinh phí

a) Các huyện, thành phố, thị xã sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí được phân bổ tại điểm a khoản 3 Điều này để hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Kinh phí còn lại thực hiện các hoạt động cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa và sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

b) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh sử dụng kinh phí tại điểm b khoản 3 Điều này để thực hiện nhiệm vụ đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; xây dựng các mô hình điểm trình diễn về ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất lúa (*giống mới, quy trình sản xuất, công nghệ mới*) làm cơ sở chuyển giao cho các địa phương triển khai nhân rộng và hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Các nội dung có liên quan không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và các văn bản quy định hiện hành.

4. Bãi bỏ Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 09/6/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm và có hiệu lực kể từ ngày ...tháng...năm..../.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- UBND, VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố, thị xã;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang